



Tìm hiểu về Bia Hậu - di sản tại Chùa Hộ Lệnh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Th.s LƯƠNG THỊ THANH DUNG - THIỀU THỊ HỒNG NHUNG

(Khoa Báo chí - Truyền thông & Văn học
Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên)

Chùa Hộ Lệnh là một trong những ngôi chùa cổ của huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên hiện còn lưu giữ một số lượng khá lớn văn bia Hán Nôm rất có giá trị. Việc tìm hiểu văn bia chùa Hộ Lệnh có giá trị to lớn trong việc xác định niên đại, lịch sử đình chùa tại địa phương cũng như phản ánh được sự ảnh hưởng của Phật giáo tới đời sống của con người nơi đây.

Ngoài ra, thông qua nghiên cứu nội dung văn bia, ta thấy được sự gắn bó giữa người dân nơi đây với ngôi chùa của làng thông qua việc công đức tiền bạc và của cải để giải quyết một số khó khăn và cần thiết của nhà chùa. Việc lập bia cũng thể hiện truyền thống tốt đẹp của người dân Việt đó là “uống nước nhớ nguồn”, biết ơn những người đã có công với nhà chùa.

Từ khóa: Huyện Phú Bình, Chùa Hộ Lệnh, Linh Quang tự, bia Hậu, công đức.

1. Đặt vấn đề

Văn bia là một trong những di sản văn hóa của dân tộc, là nguồn sử liệu vô cùng quý giá. Nó tồn tại xuyên suốt chiều dài của lịch sử và gắn bó chặt chẽ với đời

sống của người dân Việt Nam. Bên cạnh hệ thống văn bia Tiến sĩ được xây dựng ở các Văn miếu thì hệ thống văn bia được xây dựng ở các đình chùa cũng góp một phần không nhỏ trong việc phản ánh

những giá trị văn hóa lịch sử của người dân Việt Nam xưa kia.

Có thể thấy, văn bia là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa thành văn nói chung và di sản Hán Nôm nói riêng. Nó xuất hiện từ khá sớm, khởi đầu từ Trung Quốc sau đó được lan truyền sang các nước sử dụng chữ tượng hình khác như Hàn Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam. Văn bia Việt Nam ra đời trong mối quan hệ văn hóa vùng, dựa trên sự tiếp nhận sáng tạo ảnh hưởng của văn bia Trung Quốc nhưng vẫn mang những nét đặc trưng riêng của dân tộc. Văn bia du nhập vào nước ta cùng với quá trình cai trị của quan lại Trung Quốc thời kỳ Bắc thuộc, khi đó nó đã có hình thức ổn định kiểu trên *tự* dưới *minh*.

Phú Bình là 1 trong 9 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Thái Nguyên. Tín ngưỡng thờ Phật chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân nơi đây. Trong tỉnh Thái Nguyên, Phú Bình là huyện có nhiều chùa nhất với 21 xã, thị trấn, gồm 80 ngôi chùa phân bố ở các xã. Chùa là nơi thờ cúng linh thiêng và cũng đóng vai trò là trung tâm trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng làng xã của người dân huyện Phú Bình. Nó ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống sinh hoạt cũng như các triết lý, tư tưởng đạo đức của người dân địa phương.

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu tìm hiểu về các loại hình văn bia ở nước ta. Tuy nhiên ở mỗi một địa phương, vùng miền khác nhau sẽ mang những nét đặc trưng và lịch sử phát triển riêng biệt. Thái Nguyên là một tỉnh trung du và miền núi Bắc Bộ, cửa ngõ nối liền với vùng châu thổ sông Hồng, là địa bàn chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng, vì vậy mà sự giao lưu văn hóa rất rõ rệt.

Bên cạnh các hiện vật đá có giá trị còn lưu giữ lại có niên đại vào thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX như các cây hương đá, cột đá, khánh đá thì bia đá cũng là một trong những hiện vật khá phong phú còn lưu giữ được ở các chùa huyện Phú Bình. Bia đá ở đây chủ yếu thuộc loại hình văn bia công đức hoặc văn bia ghi việc, gọi chung là bia hậu. Bia hậu là sản phẩm của tục lập Hậu ở Việt Nam. Những người được lập hậu thường được gọi là Hậu Thần, Hậu Phật, Hậu Hiền. Do đó mà bia Hậu thường có tên là “Hậu Phật bi ký”, “Hậu Thần bi ký”... Thông thường, Hậu Thần và Hậu Hiền thường là nam giới, phụ nữ đa số được lập Hậu ở chùa, gọi là Hậu Phật. Lúc đầu việc lập Hậu là lập những người có công đức lớn đối với nhà chùa, nhưng về sau hình thức này càng phát triển, việc lập Hậu đã trở thành đối tượng để trao đổi giữa những nơi cần kinh phí để sửa chữa, tu bổ nhà chùa với những người có nhiều tiền của trong xã hội, đặc biệt là những người không có con cái, muốn được nương nhờ cửa chùa và được cúng giỗ sau khi qua đời. Nó thể hiện sự kết hợp giữa tín ngưỡng Phật giáo và tục thờ cúng người thân sau khi họ qua đời của Nho giáo, cũng là nét đẹp đặc trưng của Phật giáo.

2. Đặc điểm chung về Văn bia huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Các ngôi chùa huyện Phú Bình phần lớn được xây dựng từ thời Hậu Lê, sớm hơn nữa như chùa Phi Long, chùa An Mỹ, chùa Pheo được xây dựng từ thế kỷ XII. Trải qua mấy thế kỷ cùng với sự khắc nghiệt của thời gian cũng như sự biến động thay đổi của cuộc sống, thiên nhiên mà rất nhiều ngôi chùa đã bị đổ, phá hủy và xây dựng lại trên nền móng cũ nên có tác động không

nhỏ tới các hiện vật trong chùa, trong đó gồm cả các văn bia. Do các bia đá thường được đặt ngoài trời, nên theo thời gian có rất nhiều những văn bia đã bị mờ hoặc mất chữ, rất khó trong việc xác định được nội dung văn bản. (xem Bảng thống kê dưới đây).

3. Hình thức văn bản, đặc điểm nội dung và giá trị văn bia chùa Hộ Lệnh

3.1. Hình thức văn bản

Chùa Hộ Lệnh là một trong những chùa có số lượng văn bia lớn nhất trong hệ thống chùa huyện Phú Bình với 25 bia được gắn cố định lên hai bức tường trước sân chùa (Ảnh). Để dễ phân biệt các bia trong khi trình bày, tôi xin đánh số thứ tự các bia từ 1 đến 25 lần lượt theo chiều ngược chiều kim

đồng hồ, từ phải sang trái.

Văn bia chùa Hộ Lệnh thuộc loại hình bia Hậu, do nhân dân địa phương tự lập ra nên kích thước của bia không lớn. Kích thước trung bình khoảng 62cm x 38cm. Trong 25 văn bia, bao gồm 2 nhóm kích thước khác nhau: một nhóm có kích thước lớn hơn với chiều cao của bia từ 65cm đến 69cm. Ví dụ như bia số 15 (69cm x 36cm), bia số 20 (66cm x 36cm), bia số 21 (65cm x 41cm)... Một nhóm có kích thước nhỏ hơn với chiều cao từ 56,5cm đến 60cm. Ví dụ như bia số 1 (57,5cm x 39cm), bia số 2 (56,5cm x 39cm)...

Qua việc tìm hiểu đôi nét về hình thức và kết cấu của văn bia Việt Nam qua các thời

Bảng thống kê văn bia ở một số chùa Huyện Phú Bình:

STT	Tên chùa	Số lượng, nội dung
1	Chùa Hộ Lệnh (Xã Diềm Thụy)	25 bia đá thời Nguyễn ghi công đức
2	Chùa Pheo (Xã Kha Sơn)	1 bia đá
3	Chùa Triều Dương	1 bia đá dựng thời Bảo Đại, 1935
4	Chùa Úc Sơn (T.Trấn Hương Sơn)	1 bia đá “Hậu phật bi ký” khắc chữ Hán hai mặt ghi hiệu năm người thuộc thôn Sơn Linh, xã Úc Sơn, huyện Tư Nông, phủ Phú Bình được bầu làm hậu Phật. Trên bia có ghi “Minh Mệnh thập cửu niên thập nhất nguyệt sơ tứ nhật lập bi từ” có nghĩa là bia được dựng vào ngày 4 tháng 11, năm thứ 19 của thời Vua Minh Mệnh (1838).
5	Chùa Lão (xã Nga Mi)	5 bia
6	Chùa Đại Lễ (xã Bảo Lý)	1 bia “Hậu thần bi ký” niên đại Khải Định năm thứ 9 (1924) ghi lại việc công đức của nhân dân trong làng cho chùa.
7	Chùa Lũ Yên (Xã Đào Xá)	8 bia có niên đại cuối thời Lê đầu thời Nguyễn, trong đó có một tấm bia ca ngợi những người công đức tu bổ chùa.
8	Chùa Lệnh (xã Tân Đức)	Bia đá có kích thước 55 x 45 cm, khắc chữ Hán.
9	Chùa Lũa (xã Tân Đức)	2 bia đá Hậu Phật, Hậu Thần bi ký
10	Chùa Thượng Đình (xã Thượng Đình)	Bia đá niên đại 1812
11	Chùa Bàn Đạt (xã Bàn Đạt)	1 bia đá dựng năm Minh Mệnh (1831)

kỳ lịch sử, ta thấy được rằng: nhìn chung văn bia Việt Nam thường có hai dạng, một dạng mang cấu trúc gồm hai phần là trên *tự* (hoặc *ký*) dưới *minh* như đã nói ở trên, còn dạng kia chỉ gồm một bài *ký* (hoặc *chí*). Họa tiết trang trí thường dùng là hình dây hoa lá, hình sóng nhấp nhô, hình mặt trăng, hình phượng, hình rồng...Trải qua quá trình lịch sử, các họa tiết ngày càng sinh động và chi tiết cầu kỳ hơn...Văn bia chùa Hộ Lệnh có niên đại từ thời nhà Nguyễn nên nó cũng mang những đặc điểm về hình thức trang trí như các văn bia cùng thời khác. Tuy nhiên tất cả các bia đều có dáng vòm trụ, không có tai và không có mái che.

Vì văn bia là do nhân dân tự lập nên kích thước bia thường nhỏ và không được trang trí cầu kỳ. Trán bia được khắc hình rồng châu mặt nguyệt, các đường sóng nước, mây cuộn, hoa lá...ở viền bia. Không thuộc kết cấu trên *tự* dưới *minh*, văn bia chùa Hộ Lệnh mang kết cấu của một bài ký. Ký dùng để ghi chép lại những sự việc cần nhớ. Một bài ký bao gồm hai phần chính là một phần dẫn và một phần ký sự. Phần dẫn thường là một đoạn văn hay một câu văn ngắn mang tính nghị luận để dẫn dắt vào vấn đề được nêu ra ở phần ký.

3.2. Đặc điểm bố cục, nội dung văn bia

3.2.1. Đặc điểm bố cục

Bố cục của bài ký trên văn bia chùa Hộ Lệnh chỉ có phần ký sự mà không có phần dẫn. Tất cả các bia đều đi vào nội dung chính. Phần mở đầu thường nói về địa điểm nơi lập bia như “Phú Bình Phủ, Tư Nông Huyện, Nhã Lộng Tổng, Triều Dương Xã, Hộ Lệnh Thôn...”. Sau phần mở đầu sẽ đến phần lý do để lập bia và tên người được lập bia. Tiếp đến sẽ là số của cái vật chất mà họ đã công đức cho chùa được ghi chép lại

cụ thể và rõ ràng cũng như những quyền lợi mà người được lập bia được hưởng. Phần cuối của bài ký sẽ là niên hiệu Vua và ngày, tháng, năm bia được lập. Ví dụ như “Tự Đức thập tứ niên thập nguyệt cát nhật lập bi”(bia số 15). Ngoài ra còn có tên văn bia, vì đều là bia Hậu nên văn bia thường có tên là “Hậu Phật bi ký”...được đặt ở phía dưới trán bia, khắc chữ nổi (bia số 15, bia số 22...) hoặc chữ chìm (bia số 21...).

Bia được viết trên một mặt và được viết theo cột dọc, thường từ 10 đến 11 cột. Từ ngữ được sử dụng trong văn bia giản dị, không chau chuốt. Chữ trên bia được khắc khá nông nên theo thời gian đã bị mờ đi rất nhiều. Với mục đích là lưu truyền lại cho con cháu muôn đời sau nên ngôn từ sử dụng trong văn bia có ý tứ đơn giản, dễ đọc và dễ hiểu, dễ nhớ, dễ nắm bắt được nội dung. Chất Phật giáo được trải đều không chỉ trên mặt từ ngữ mà còn ở nội dung, tư tưởng của văn bia như “quả thị từ bi đức hậu” (đúng là người có lòng từ bi đức dày), “bản tự”...

“Hậu Thần bi ký”, “Hậu Phật bi ký”, “Hậu tự bi ký”... là tên gọi của các văn bia chùa Hộ Lệnh. “Hậu Phật” mang ý nghĩa là chúc vị được xếp sau Thần Phật. Những người được lập bia Hậu phải là những người quyền góp, ủng hộ nhiều tiền bạc của cải cho việc xây dựng và tu bổ chùa và đặc biệt phải là người được tất cả mọi người dân trong làng chấp nhận khi được lập bia.

3.2.2. Nội dung văn bia

Nội dung trong văn bia phải phản ánh được mục đích cũng như đặc điểm của loại hình bia đá. Vì vậy, văn bia chùa Hộ Lệnh gồm các nội dung chính sau:

Thứ nhất, các văn bia đều ghi đầy đủ địa chỉ cũng như tên chùa của nơi lập bia. Qua các văn bia khảo sát được thì đều ghi chép

giống nhau về địa chỉ và tên chùa ở cột đầu tiên trên các văn bia : “ Phú Bình phủ, Tư Nông huyện, Nhã Lộng tổng, Triều Dương xã, Hộ Lệnh thôn, Hộ Linh thiền tự...”. Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình trước kia được gọi là huyện Tư Nông, xã Triều Dương. Chùa Hộ Lệnh trước kia có tên là chùa Hộ Linh thuộc thôn Hộ Lệnh, Xã Triều Dương, tổng Nhã Lộng, huyện Tư Nông, phủ Phú Bình.

Thứ hai, nội dung văn bia còn bao gồm các lý do nhà chùa lập bia, họ tên người được lập bia, số tiền cũng như số ruộng người đó công đức cho chùa. Ví dụ bia số 15 giải thích việc lập bia hậu cho người phụ nữ họ Dương này là vì nhân dịp nhà chùa đúc chuông, tiêu tốn đến tiền của nên đã bán chức Hậu Phật này cho người đó. Họ đã công đức cho chùa ba mươi quan tiền cùng 2 thửa ruộng... hoặc có thể vì phải sửa lại ngói trước chùa (bia số 21), đúc chuông (bia số 20)...

Thứ ba, văn bia không chỉ ghi rõ số ruộng công đức mà còn chỉ rõ vị trí của ruộng như “ hai thửa ruộng đó thuộc Na Hiên, một thửa nằm ở phía trên xã Pha Hạ, gần Nhự Khai, một thửa phía trên gần Na Hạ...”(bia số 15), hay “dâng lễ một thửa ruộng ở xứ Na Đồng, dưới gần đường...”(bia số 20), “hai thửa ruộng ở trên cao có vị trí trên gần núi, dưới gần hồ...” (bia số 22).

Thứ tư, ngoài việc ghi số tiền cũng như ruộng mà những người được lập Hậu công đức cho chùa thì họ cũng được hưởng một số quyền lợi nhất định. Khi họ còn sống, mỗi khi nhà chùa làm lễ “Vào hè” và “Ra hè”, họ sẽ được hưởng một mâm cơm trên đầy đủ. Còn khi họ qua đời, họ sẽ được cả thôn cúng giỗ với số tiền mua đồ cúng là 3 quan tiền, con cháu đời sau cứ theo quy định đó mà làm.

Cuối cùng, một nội dung vô cùng quan

trọng trong các văn bia đó là ngày tháng lập bia, được ghi ở cột cuối cùng của mỗi văn bia. Thời gian lập bia được ghi dựa theo niên hiệu đời Vua đang trị vì thời gian đó như “ Hoàng triều Thành Thái thập tam niên”(năm thứ 13 triều Vua Thành Thái) ở bia số 21, “Tự Đức thập tứ niên thập nguyệt cát nhật lập bia” (Năm thứ 14 triều Vua Tự Đức ngày tháng tốt lập bia) ở bia số 15, hay năm thứ 8 triều Vua Khải Định ở bia số 23...

Chùa Hộ Lệnh cùng với Đình Hộ Lệnh đã tạo nên một quần thể di tích kiến trúc cổ kính, là nơi nhân dân sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng. Di tích Đình - Chùa Hộ Lệnh nằm ở xóm Trung của làng Hộ Lệnh, thuộc xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình. Cách trung tâm thành phố Thái Nguyên khoảng 22 km về phía Đông Nam. Theo văn bia “Hậu Thần Bi Ký” còn được lưu giữ tại đình Hộ Lệnh thì đình được xây dựng vào triều Lê Vĩnh Hựu năm thứ 4 (1738) có chép: Làng Hộ Lệnh xưa thuộc thôn Hộ Lệnh, xã Triều Dương, huyện Tư Nông, phủ Phú Bình. Làng Hộ Lệnh là một làng cổ đã được hình thành lâu đời, có làng rồi mới dựng đình vào khoảng từ thế kỷ XVII.

3.3. Ý nghĩa và giá trị của văn bia chùa Hộ Lệnh

Văn bia chùa Hộ Lệnh mang nguồn gốc lịch sử lâu đời, gắn bó chặt chẽ người dân và ngôi làng Hộ Lệnh. Hiện nay, chưa có một tài liệu nào ghi rõ năm xây dựng ngôi chùa này. Tuy nhiên, thông qua việc tìm hiểu những văn bia Hậu Thần, Hậu Phật của chùa, ta có thể dự đoán được khoảng thời gian xây dựng chùa. Bia số 15 có ghi năm lập bia là “Tự Đức thập tứ niên” có nghĩa là năm thứ 14 của triều Vua Tự Đức (1862). Khi đó, nhân việc đúc chuông, tiêu tốn đến tiền của mà nhà chùa đã bán chức Hậu Phật cho người có nhiều tiền

công đức cho chùa. Như vậy chùa Hộ Lệnh phải được xây dựng trước năm đúc quả chuông đồng (trước năm 1862). Bên cạnh đó, qua việc tìm hiểu nội dung văn bia chúng ta cũng xác định được các tên gọi của chùa lúc trước. Trước đây, chùa Hộ Lệnh có khá nhiều tên gọi khác nhau: Hộ Linh, Linh Quang... Trên chiếc chuông đồng của chùa có khắc chữ Hán nổi là “Linh Quang tự chuông”, vì vậy có thể suy đoán tên chữ Hán của nhà chùa trước kia là “Linh Quang Tự” nhưng vì chùa nằm ở thôn Hộ Lệnh nên người dân nơi đây hay gọi là chùa Hộ Lệnh. Ngoài ra, chúng ta còn biết được Chùa đã từng được tu sửa (cụ thể là tu sửa lại ngói trước cửa nhà chùa theo như nội dung văn bia số 22 và bia số 21) vào năm 1862 (năm lập bia số 22 – Năm thứ 14 triều Vua Tự Đức) và năm 1902 (năm lập bia số 21 – Năm thứ 13 triều Vua Thành Thái).

Văn bia Việt Nam ra đời trong mối quan hệ văn hóa vùng, dựa trên sự tiếp nhận sáng tạo ảnh hưởng của văn bia Trung Quốc nhưng vẫn mang những nét đặc trưng riêng của dân tộc. Nó có sự thay đổi và cải biến theo từng giai đoạn lịch sử nhất định về loại hình cũng như hình thức trang trí, kết cấu và chịu ảnh hưởng về tư tưởng văn hóa của mỗi một triều đại. Cùng với các công trình kiến trúc cổ xưa khác còn được lưu giữ trong các chùa cổ huyện Phú Bình, văn bia Hậu thần, Hậu phật là một trong những tư liệu quý giá phản ánh đời sống tinh thần và tín ngưỡng thờ Phật của người dân địa phương.

4. Kết luận

Qua việc tìm hiểu nội dung văn bia Hậu thần của chùa kết hợp với lịch sử của đình Hộ Lệnh, ta có thể đánh giá được phần nào lịch sử của chùa Hộ Lệnh. Chùa đã có

lịch sử trên một trăm năm tuổi hoặc gần hai trăm tuổi. (Chùa có thể được xây dựng sau khi xây dựng đình – sau 1738 và trước năm 1862). Như vậy văn bia có giá trị rất quan trọng trong việc tìm hiểu tiến trình lịch sử hình thành của chùa Hộ Lệnh.

Cùng với các công trình kiến trúc cổ xưa khác còn được lưu giữ trong các chùa cổ huyện Phú Bình, văn bia Hậu Thần, Hậu Phật là một trong những tư liệu quý giá phản ánh đời sống tinh thần và tín ngưỡng thờ Phật của người dân địa phương. Ngày nay, khi đất nước đang thay đổi để hòa nhập cùng sự phát triển của thế giới mang theo nhiều cơ hội và cũng nhiều thách thức. Làm thế nào để hào nhập mà không hòa tan, giao lưu tiếp nhận nhưng vẫn phải giữ được những nét đặc sắc của văn hóa dân tộc đang là vấn đề đang được quan tâm hiện nay. Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cần phải được thể hiện bằng những hành động cụ thể mà trước hết chính là bảo tồn các công trình kiến trúc cổ xưa đang phải chống chọi với thời gian, đặc biệt phải có cái nhìn đầy đủ để thấy hết được giá trị của chúng.

1. Trần Thị Kim Anh, “*Tìm hiểu văn bia từ góc nhìn thể loại*”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 5 năm 2007.
2. Trần Lâm Biền, *Chùa Việt*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2003
3. Đồng Khắc Thọ, *Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh Thái Nguyên*, Nxb. Sở Văn hóa Thông tin Thái nguyên, 2003
4. Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999
5. Trịnh Khắc Mạnh, “*Một số nhận xét về đặc điểm, hình thức bia Việt Nam*”, Tạp chí *Hán Nôm* số 1 năm 2008.